

Số: 61/2022/QĐST-HNGĐ

Châu Thành, ngày 21 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 37/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: anh Lê Văn C, sinh năm: 1982 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn B, E, Buôn D, ĐăkLăk.

Người yêu cầu: chị Trần Thị H, sinh năm: 1977

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại đơn yêu cầu giải quyết thuận tình ly hôn và đơn yêu cầu vắng mặt anh C và chị H trình bày: anh C và chị H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Long An vào năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, có một con chung tên Lê Trần Khả Ny sinh ngày 27/01/2014. Đầu năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, nên đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Anh C và chị H không còn tình cảm, nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị. Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh Lê Văn C và chị Trần Thị H đã không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: anh C và chị H thống nhất thỏa thuận chị Trần Thị H sẽ là người trực tiếp nuôi con chung tên Lê Trần Khả N sinh ngày 27/01/2014, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: anh C và chị H thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: anh C và chị H thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Anh Lê Văn C và chị Trần Thị H không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản về việc không hòa giải được, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Văn C với chị Trần Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh C và chị H thống nhất thỏa thuận chị Trần Thị H sẽ là người trực tiếp nuôi con chung tên Lê Trần Khả N sinh ngày 27/01/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn C được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: anh C và chị H thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: anh C và chị H thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Văn C và chị Trần Thị H không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

2. Lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh Lê Văn C và chị Trần Thị H mỗi người chịu 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà chị Trần Thị H tự nguyện nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001348 ngày 18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Anh C và chị H đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Thạnh An; h. Thạnh Hoá, t.Long An
- Lưu.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ánh